

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 10

Tiết 19 - Bài 18: TRAI SÔNG

Các hoạt động tự học	HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
Tên bài học/ chủ đề	Bài 18: TRAI SÔNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Hình dạng cấu tạo. Quan sát hình 18.1; 18.2, đọc thông tin SGK trang 62, quan sát mẫu vật, tự thu thập thông tin về vỏ trai 1. Muốn mở vỏ trai quan sát phải làm như thế nào? 2. Mài mặt ngoài vỏ trai người thấy có mùi khét, vì sao? Bẻ gãy vỏ -> quan sát có mấy lớp. 3. Trai chết thì mở vỏ, tại sao? 4. Cơ thể trai có cấu tạo như thế nào. 5. Trai tự vệ bằng cách nào? Nêu đặc điểm cấu tạo của trai phù hợp với cách tự vệ đó. 6. Nước qua ống hút vào khoang áo đem gì đến cho miệng? và mang trai? 7. Nêu kiểu dinh dưỡng của trai. 8. Cách dinh dưỡng của trai có ý nghĩa như gì với môi trường nước 9. Ý nghĩa của giai đoạn trứng phát triển thành ấu trùng trong mang trai mẹ? Và giai đoạn ấu trùng bám vào mang và da cá?
Hoạt động 2. Bài tập kiểm tra đánh giá	10. Cách dinh dưỡng của trai có ý nghĩa như gì với môi trường nước 11. Để bảo vệ trai sông chúng ta cần làm gì?

NỘI DUNG BÀI GHI TUẦN 10

Bài 18: TRAI SÔNG

I. Hình dạng cấu tạo.

1. Vỏ trai:

- + Vỏ gồm hai mảnh bằng đá vôi, gắn với nhau bằng bản lề và dây chằng ở phía lưng và 2 cơ khép vỏ.
- + Vỏ gồm 3 lớp: ngoài là lớp sừng, giữa là đá vôi, trong là xà cừ.

2. Cơ thể trai:

- + Đầu trai tiêu giảm.
- + Ngoài; áo trai tạo thành khoang áo, có ống hút và ống thoát nước.
- + Giữa: tấm mang
- + Trong: Thân trai và chân hình lưỡi rìu.

II. Dinh dưỡng

- Thức ăn động vật nguyên sinh và vụn hữu cơ.
- Nước được lấy qua ống hút
- + Thức ăn được lấy bằng được hai đôi tấm miệng.
- + Oxi trao đổi qua mang.

III. Sinh sản

- Trai phân tính. Cơ thể trai phân tính. Đến mùa sinh sản, trai cái nhận tinh trùng của trai đực chuyển theo dòng nước vào để thụ tinh, trứng non đẻ ra được giữ trong tấm mang.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 10

Tiết 20: Bài 19: MỘT SỐ THÂN MỀM KHÁC

Các hoạt động tự học	HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC			
Tên bài học/ chủ đề	Tiết 20: Bài 19: MỘT SỐ THÂN MỀM KHÁC			
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Một số thân mềm khác Quan sát kỹ hình 19. 1→5, SGK (đọc chú thích→ nêu các đặc điểm đặc trưng của một số đại diện. 1. <i>Tìm các đại diện tương tự mà em gặp ở địa phương?</i>			
	STT	Đa dạng Đại diện	Môi trường sống	Lối sống
	1			-
	2		.	-
	3			-
	4		-	-
	5			-
	6		-	-
	Từ bảng trên hãy: 2. <i>Rút ra kết luận về sự đa dạng của giun đốt về số loài, lối sống, môi trường sống.</i> 3. <i>Vì sao thân mềm có nhiều tập tính thích nghi với lối sống?</i> Quan sát hình 19.6 SGK đọc kỹ chú thích→ thảo luận: 4. <i>Ốc sên tự vệ bằng cách nào?</i> 5. <i>Ý nghĩa sinh học của tập tính đào lỗ để trứng của ốc sên?</i> Quan sát hình 19.7 đọc chú thích → thảo luận: 6. <i>Mục săn mồi như thế nào trong 2 cách: Đuổi bắt mồi và rình mồi một chỗ (đợi mmồi đến để bắt).</i> 7. <i>Mực phun chất lỏng có màu đen để săn mồi hay tự vệ? Hoả mù mực che mắt động vật khác nhưng bản thân mực có thể nhìn rõ để trốn chạy không?</i>			
	Hoạt động 2. Bài tập kiểm tra đánh giá	8. <i>Ngành thân mềm đa dạng về những mặt nào?</i> 9. <i>Thân mềm có những tập tính gì?</i> 10. <i>Tập tính của thân mềm có ý nghĩa gì với đời sống của chúng?</i>		

NỘI DUNG BÀI GHI TUẦN 10

Bài 19: MỘT SỐ THÂN MỀM KHÁC

I. MỘT SỐ THÂN MỀM KHÁC

1. Một số đại diện

-Đa số thân mềm sống tự do và phân bố rộng trong các môi trường. Tùy vào vị trí của cơ quan di chuyển và số mảnh vỏ có thể phân ngành thân mềm thành 3 lớp :

+ **Lớp chân đầu** (Vỏ tiêu giảm) mực, bạch tuộc.

+ **Lớp chân riu** (Lớp 2 mảnh vỏ): Trai, sò, hến

+ **Lớp chân bụng** (Lớp 1 mảnh vỏ): Các loại ốc.

- Các đại diện thuộc ngành này đều có cơ quan di chuyển thích nghi với lối sống và môi trường sống.

2. Một số tập tính của thân mềm: (SGK)

Bài tập Bài 18

Câu 1: Loài nào sau đây không thuộc ngành Thân mềm

- A. Trai B. Rươi C. Hến D. Ốc

Hướng dẫn giải: Ngành Thân mềm rất đa dạng, phong phú như: trai, sò, ốc, hến, ngao, mực... và phân bố ở khắp các môi trường: biển, sông, ao, hồ, trên cạn → **Đáp án B**

Câu 2: Vỏ trai cấu tạo gồm mấy lớp

- A. 2 lớp là lớp đá vôi và lớp sừng B. 2 lớp là lớp xà cừ và lớp đá vôi
C. 3 lớp là lớp sừng, lớp biểu bì và lớp đá vôi D. 3 lớp là lớp sừng, lớp đá vôi và lớp xà cừ

Hướng dẫn giải: Vỏ trai có 3 lớp là lớp sừng bọc ngoài, lớp đá vôi ở giữa và lớp xà cừ óng ánh ở trong cùng. → **Đáp án D**

Câu 3: Cơ quan nào đóng vai trò đóng, mở vỏ trai

- A. Đầu vỏ B. Đỉnh vỏ C. Cơ khép vỏ (bản lề vỏ) D. Đuôi vỏ

Hướng dẫn giải: Vỏ trai gồm 2 mảnh gắn với 2 cơ khép vỏ (bám chắc vào mặt trong của vỏ) điều chỉnh động tác đóng, mở vỏ → **Đáp án C**

Câu 4: Mùi mặt ngoài vỏ trai ta thấy có mùi khét là do... bị cháy khét

- A. Lớp xà cừ B. Lớp sừng C. Lớp đá vôi D. Mang

Hướng dẫn giải:

Mùi mặt ngoài trai ta thấy có mùi khét, vì phía ngoài vỏ trai là lớp sừng có thành phần là chất hữu cơ nên khi mài nóng, nó sẽ có mùi khét. → **Đáp án B**

Câu 5: Trai tự vệ nhờ

- A. Di chuyển nhanh B. Ẩn nấp trong môi trường bùn
C. Có lớp vỏ cứng D. Cả b và c đúng

Hướng dẫn giải: Thuộc ngành Thân mềm, với cơ thể là thân mềm và không có cơ quan tự vệ nên trai tự vệ bằng cách xây cho mình lớp vỏ vững chắc và màu vỏ giống màu môi trường sống để lẫn tránh kẻ thù. →

Đáp án D

Câu 6: Trai lấy mồi ăn bằng cách

- A. Dùng chân giả bắt lấy con mồi B. Lọc nước
C. Kí sinh trong cơ thể vật chủ D. Tấn công làm tê liệt con mồi

Hướng dẫn giải:

Trai lấy mồi ăn (thường là vụn hữu cơ, động vật nguyên sinh) và ôxi chỉ nhờ vào cơ chế lọc từ nước hút vào → **Đáp án B**

Câu 7: Trai lọc nước một ngày đêm

- A. 10 lít B. 20 lít C. 30 lít D. 40 lít

Hướng dẫn giải:

Trai lấy mồi ăn (thường là vụn hữu cơ, động vật nguyên sinh) và ôxi chỉ nhờ vào cơ chế lọc từ nước hút vào. Trai có thể hút lọc được khoảng 40 lít nước trong một ngày đêm → **Đáp án D**

Câu 8: Trai di chuyển được là nhờ

- A. Chân trai thò ra thụt vào B. Động tác đóng mở vỏ trai
C. Hình thành chân giả D. Cả a và b đúng

Hướng dẫn giải:

Nhờ chân trai thò ra rồi thụt vào, kết hợp với động tác đóng mở vỏ mà trai di chuyển chậm chạp trong bùn với tốc độ 20 – 30cm một giờ, để lại phía sau một đường rãnh trên mặt bùn. → **Đáp án D**

Câu 9: Ấu trùng trai thường bám vào mang và da cá để

- A. Lấy thức ăn B. Lẩn trốn kẻ thù C. Phát tán nòi giống D. Kí sinh

Hướng dẫn giải:

Ấu trùng nở ra, sống trong mang mẹ một thời gian rồi bám vào da và mang cá một vài tuần giúp ấu trùng phát triển, phát tán nòi giống đi khắp nơi. → **Đáp án C**

Câu 10: Ngọc trai được tạo thành ở

- A. Lớp sừng B. Lớp xà cừ C. Thân D. Ống thoát

Hướng dẫn giải: Xà cừ do lớp ngoài của áo trai tiết ra tạo thành. Nếu chỗ vỏ đang hình thành có hạt cát rơi vào, dần dần các lớp xà cừ mỏng tạo thành, sẽ bọc quanh hạt cát để tạo nên ngọc trai. → **Đáp án B**

Bài tập Bài 19

Câu 1: Ngành Thân mềm có bao nhiêu loài

- A. 700 loài B. 7000 loài C. 70000 loài D. 700000 loài

Hướng dẫn giải:

Ngành Thân mềm có số loài rất lớn (khoảng 70 nghìn loài) lại đa dạng và rất phong phú ở vùng nhiệt đới.

→ **Đáp án C**

Câu 2: Động vật thân mềm sống trên cạn

- A. Bạch tuộc B. Mực C. Ốc sên D. Sò

Hướng dẫn giải:

Thân mềm sống ở rất nhiều môi trường khác nhau, mực và bạch tuộc sống tự do, sò sống vùi mình trong cát, còn ốc sên sống trên cạn... → **Đáp án C**

Câu 3: Thân mềm nào gây hại cho con người

- A. Sò B. Mực C. Ốc vặn D. Ốc sên

Hướng dẫn giải:

Ốc sên ăn thực vật và có hại cho cây trồng của con người. → **Đáp án D**

Câu 4: Thân mềm nào KHÔNG có vỏ cứng bảo vệ ngoài cơ thể

- A. Sò B. Ốc sên C. Bạch tuộc D. Ốc vặn

Hướng dẫn giải:

Bạch tuộc không có vỏ cứng bảo vệ ngoài cơ thể, chúng tự vệ bằng cách phun mực hay ngụy trang.

→ **Đáp án C**

Câu 5: Loài nào có tập tính đào lỗ đẻ trứng

- A. Ốc vặn B. Ốc sên C. Sò D. Mực

Hướng dẫn giải:

Ốc sên đào hốc sâu rồi chui xuống đẻ trứng vào đó. Ốc sên con ra đời sau vài tuần.

→ **Đáp án B**

Câu 6: Mực tự vệ bằng cách nào

- A. Co cơ thể vào trong vỏ cứng B. Phun mực, tung hỏa mù để trốn chạy
C. Dùng tua miệng để tấn công kẻ thù D. Tiết chất nhờn làm kẻ thù không bắt được

Hướng dẫn giải:

Khi bị tấn công, mực phun hỏa mù từ túi mực để làm mờ mắt kẻ thù, để trốn chạy.

→ **Đáp án B**

Câu 7: Thân mềm có tập tính phong phú là do

- A. Có cơ quan di chuyển B. Cơ thể được bảo vệ bằng vỏ cứng
C. Hệ thần kinh phát triển D. Có giác quan

Hướng dẫn giải:

Thần kinh phát triển là cơ sở cho các giác quan và tập tính phát triển.

→ **Đáp án C**

Câu 8: Thân mềm nào bảo vệ con trong khoang áo cơ thể mẹ.

- A. Ốc sên B. Ốc vặn C. Mực D. Bạch tuộc

Hướng dẫn giải:

Ốc vặn nước ngọt trứng phát triển thành con non trong khoang áo ốc mẹ.

→ **Đáp án B**

Câu 9: Động vật thân mềm nào sống đục ruỗng vỏ tàu thuyền

- A. Con hà B. Con sò C. Con mực D. Con ốc sên

Hướng dẫn giải:

Con hà sống bằng cách đục ruỗng vỏ các tàu thuyền.

→ **Đáp án A**

Câu 10: Động vật thân mềm nào có hại

- A., Ốc sên, Mực B. Sò, Bạch tuộc C. Mực, Ốc hương D. Ốc sên, con hà

Hướng dẫn giải: Con hà sống bằng cách đục ruỗng vỏ các tàu thuyền, ốc sên ăn chồi, lá cây → **Đáp án D**